

Bản án số: 03/2024/HS-ST

Ngày 11/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Dương

Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2023/TLST-HS, ngày 01/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HS ngày 28/12/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 24 tháng 11 năm 1986 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKTT và chỗ ở: **Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: **Nguyễn Quang K** và bà: **Hà Thị T**; có vợ là **Nguyễn Thị L**; có 02 con; tiền án: 02 (Bản án số 38/2019/HSST ngày 23/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt **Nguyễn Văn C** 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản – Đến nay bị cáo chưa bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự; Bản án số 23/2021/HSST ngày 30/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt **Nguyễn Văn C** 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/9/2012 bị **Công an huyện B** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, Ngày 05/3/2019 bị **Công an phường huyện T3, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy – Ngày 09/4/2019 chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2023 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nông Văn H** – Sinh năm 1986. Có mặt

HKTT và nơi ở hiện nay: **Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Bé Thị T1** – Sinh năm 1988. Vắng mặt

HKTT và nơi ở hiện nay: **Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

+ Anh **Hoàng Văn T2** – Sinh năm 1986 (hiện đang chấp hành án tại **Trại giam Q – Cục C1 – Bộ C2**). Vắng mặt

HKTT: **Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

+ Anh **Vũ Cao B** – Sinh năm 1974. Vắng mặt

HKTT và nơi ở hiện nay: **Tổ F, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 20/8/2023 đến ngày 22/8/2023 **Nguyễn Văn C** trú tại: **Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 20/8/2023, **Nguyễn Văn C** từ nhà xuống khu vực chăn nuôi của anh **Nông Văn H**, sinh năm 1986, trú tại: **Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Đến nơi, **C** thấy cổng không khóa, xung quanh không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. **C** mở cổng đi vào trong nhà, vào buồng ngủ; quan sát và lấy 01 máy cắt cầm tay giấu vào trong áo đang mặc đi đến nhà **Hoàng Văn T2**, sinh năm 1986, trú tại: **Thôn N, xã Q, huyện B**. Đến nơi, **C** để chiếc máy cắt ở ngoài cổng; sau đó, **C** vào nhà gặp **T2**, **C** hỏi **T2** có đi **thành phố B** không thì cho **C** đi cùng, được **T2** đồng ý **C** đi ra cổng lấy chiếc máy cắt cho vào trong áo, **T2** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97F8 - 8262 (xe của vợ Từ là **Bé Thị T1**) chở **C** xuống đến **tổ I, phường N, thành phố B** thì **T2** vào quán uống nước, **C** mượn xe mô tô của Từ mang máy cắt trộm cắp được bán cho **Vũ Cao B**, sinh năm 1974 trú tại: **Tổ F, phường S, thành phố B** được số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và quay lại trả xe cho **T2**.

Lần thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 21/8/2023, **Nguyễn Văn C** đi bộ đến nhà anh **Nông Văn H**, sinh năm 1986 trú cùng thôn và vào buồng ngủ lấy 01 máy hàn loại máy hàn điện tử xách tay nhãn hiệu RILAND màu xanh dương mang cất giấu tại vườn của **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973, trú tại: **Thôn B, xã L**. Sau đó, **C** đi sang nhà rủ Từ đi **thành phố B** chơi, **T2** đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97F8 - 8262 chở **C** đi. Đến vị trí cất giấu máy hàn, **C** bảo **T2** dừng xe rồi đi lấy chiếc máy hàn mang theo xuống đến **tổ I, phường N, thành**

phố B thì T2 vào quán uống nước, C mượn xe mô tô của Từ mang máy hàn trộm cắp được bán cho Vũ Cao B được số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và quay lại trả xe cho T2.

Lần thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 22/8/2023, Nguyễn Văn C tiếp tục đi bộ đến nhà Nông Văn Hải, sinh năm 1986 trú cùng thôn và vào buồng ngủ lấy 01 cuộn dây điện (loại dây hai lõi) màu vàng dài 50m rồi đi đến đường liên thôn N - N thuộc thôn N, xã L. Tại khu vực lề đất của đường liên thôn C sử dụng bật lửa đốt cháy toàn bộ vỏ dây điện vừa trộm cắp được để lấy lõi đồng. C cho lõi đồng vào túi nilon rồi sang nhà mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 97F8 - 8262 của T2 đi xuống đến khu vực gần Bệnh viện đa khoa tỉnh B thì gặp 01 người phụ nữ thu mua phế liệu ở dọc đường, C bán lõi đồng được số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), sau đó C quay về trả xe cho T2.

Tổng số tiền Nguyễn Văn C bán các tài sản trộm cắp trong các ngày 20/8/2023, ngày 21/8/2023 và 22/8/2023 là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng), C đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 máy cắt (loại máy cầm tay) nhãn hiệu FEG màu cam đã qua sử dụng trị giá 400.000đ; 01 máy hàn (loại máy hàn điện tử xách tay) nhãn hiệu RILAND màu xanh dương đã qua sử dụng trị giá 500.000đ; 01 cuộn dây điện (loại dây hai lõi) màu vàng dài 50m trị giá 250.000đ. Tổng trị giá của các tài sản là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ gồm: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, xe cũ đã qua sử dụng, số khung RLHHC1201AY160128, số máy HC12E2660176, rách một lỗ ở đầu yên xe, không có gương bên phải, kèm theo chìa khóa xe.

Quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Văn C đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình: Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 12 giờ các ngày 20/8, 21/8 và 22/8/2023 tại nhà anh Nông Văn H, trú tại: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nguyễn Văn C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy cắt loại máy cầm tay; 01 máy hàn loại máy hàn điện tử xách tay và 01 cuộn dây điện màu vàng loại dây hai lõi. Việc trộm cắp tài sản do C một mình thực hiện, không bàn bạc cùng ai, không có ai giúp sức, cũng không chia lợi nhuận cho ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Văn T2** trình bày: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, đăng ký xe tên **Bé Thị T1** (vợ của **T2**) là tài sản chung của **T2** và chị **T1**. Khi **Nguyễn Văn C** rủ **Từ** lên **thành phố B**, **T2** đã đồng ý và lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 97F8-8262 chở **C** đến **tổ I, phường N, thành phố B** thì **T2** vào quán uống nước ngồi, **C** mượn xe mô tô của **Từ** đi đâu, làm gì **Từ** không biết. **Từ** cũng không biết tài sản là do **C** trộm cắp mà có, **Từ** cũng không được hưởng lợi gì từ việc **C** bán tài sản trộm cắp. Khi **T2** sử dụng xe mô tô HONDA, biển kiểm soát 97F8-8262 chở **C** xuống **thành phố T** không nói với ai, khi đó chị **Bé Thị T1** đang đi làm xa nhà nên chị **T1** không biết **T2** sử dụng chiếc xe mô tô trên để chở **C** xuống **thành phố B**. **Từ** đề nghị HDXX trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262 cho **T2** và chị **T1**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Bé Thị T1** trình bày: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, đăng ký xe tên **Bé Thị T1** là tài sản chung của chị **T1** và anh **Hoàng Văn T2**, chị **T1** đi làm ở **N** nên để xe ở nhà cho anh **T2** làm phương tiện đi lại. Việc anh **T2** sử dụng chiếc xe mô tô trên chở **Nguyễn Văn C** lên thành phố chị **T1** không biết. Chị **T1** đề nghị HDXX trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262 cho chị **T1** và anh **T2**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Vũ Cao B** trình bày: Ngày 20/8/2023 và ngày 21/8/2023 anh **B** có mua 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG màu cam và 01 máy hàn với một người thanh niên, không biết tên địa chỉ. Khi mua anh **B** không biết những tài sản trên là do trộm cắp mà có, sau khi mua anh **B** đã bán cho người khác, anh **B** không nhớ là đã bán cho ai và cũng không biết 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG màu cam và 01 máy hàn hiện nay đang ở đâu. Anh **B** không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

Cáo trạng số 52/CT-VKS-BT ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn truy tố **Nguyễn Văn C** tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Nguyễn Văn C** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

- Bị hại anh **Nông Văn H** trình bày: Anh **H** bị mất 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG màu cam, 01 máy hàn và 01 cuộn dây điện. Các tài sản trên đã bị **Nguyễn Văn C** trộm và mang đi bán không tìm lại được nên anh **H** yêu cầu **Nguyễn Văn C** bồi thường số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đề nghị HĐXX tuyên bố: **Nguyễn Văn C** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn C** từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/10/2023).

Xử lý vật chứng: Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, xe cũ đã qua sử dụng, số khung RLHHC1201AY160128, số máy HC12E2660176, rách một lỗ ở đầu yên xe, không có gương bên phải, kèm theo chìa khóa xe cho anh **Hoàng Văn T2** và chị **Bé Thị T1**.

Về phân trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo **Nguyễn Văn C** và bị hại **Nông Văn H**. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn C** phải bồi thường cho bị hại **Nông Văn H** số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện B**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Văn T2**, chị **Bé Thị T1**, anh **Vũ Cao B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, bị hại, đại diện Viện kiểm sát không ai đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của anh **T2**, chị **T1** và anh **B** đã đầy đủ, việc anh **T2**, chị **T1** và anh **B** vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 12 giờ các ngày 20/8, 21/8 và 22/8/2023 tại thôn B, xã L, huyện B, bị cáo Nguyễn Văn C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy cắt loại máy cầm tay; 01 máy hàn loại máy hàn điện tử xách tay và 01 cuộn dây điện màu vàng loại dây hai lõi. Tổng trị giá của các tài sản trộm cắp là 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Kết luận định giá tài sản số 21 ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự huyện B.

Tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên toà. Bị cáo Nguyễn Văn C có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, tính đến ngày 20/8/2023 thì chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 BLHS. Vì vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS) quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát; của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét thấy Cáo trạng số 52/CT-VKSBT ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn truy tố Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt, về án phí, về xử lý vật chứng và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Xét đề nghị của bị hại về việc yêu cầu bị cáo bồi thường 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Xét đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Văn T2**, chị **Bé Thị T1** về việc trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, xe cũ đã qua sử dụng, số khung RLHHC1201AY160128, số máy HC12E2660176, rách một lỗ ở đầu yên xe, không có gương bên phải, kèm theo chìa khóa xe cho anh **T2** và chị **T1** là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Vũ Cao B** không có yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo **C** nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 05/3/2019 bị **Công an phường T3** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 9/3/2019 chấp hành xong; ngày 11/9/2012 bị **Công an huyện B** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng đến nay đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo có bố đẻ là ông **Nguyễn Quang K** được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5]. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Bị cáo **Nguyễn Văn C** là người có đầy đủ năng lực hành vi, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trong một vụ án khác, hiện nay đã có Cáo trạng truy tố bị cáo (Cáo trạng số 03/CT-VKSTP ngày 04/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn). Do đó, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh **Nông Văn H** yêu cầu bị cáo bồi thường 1.150.000đ, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. HĐXX thấy việc đồng ý bồi thường của bị cáo theo yêu cầu của bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo **Nguyễn Văn C** và bị hại **Nông Văn H**. Buộc bị cáo **Nguyễn Văn C** phải bồi thường cho bị hại **Nông Văn H** số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, qua điều tra đã xác minh và làm rõ được chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của anh **Hoàng Văn T2** và chị **Bé Thị T1**. Khi anh **T2** sử dụng chiếc xe trên đưa bị cáo **C** đến tổ I, phường N, thành phố B, **T2** vào quán uống nước ngồi, **C** mượn xe mô tô của **T2** đi đâu, làm gì **T2** không biết; **T2** cũng không biết tài sản là do **C** trộm cắp mà có, **T2** cũng không được hưởng lợi gì từ việc **C** bán tài sản trộm cắp. Mặt khác, chị **Bé Thị T1** đi làm ở **N** nên không biết **T2** sử dụng chiếc xe mô tô trên để chở **C** xuống thành phố B. Xét thấy anh **T2** và chị **T1** đều không biết tài sản **C** mang đi bán là do trộm cắp mà có và cũng không được hưởng lợi gì nên cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh **T2** và chị **T1**.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về các vấn đề khác:

- Đối với anh **Hoàng Văn T2**: Anh **Hoàng Văn T2** không biết, không được bàn bạc khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp; sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xong **T2** không biết tài sản bị cáo mang theo là do trộm cắp mà có, **T2** chỉ cho bị cáo đi nhờ xe lên thành phố B; **T2** cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với **Hoàng Văn T2** là có căn cứ.

- Đối với anh **Vũ Cao B**: Ngày 20/8/2023 và ngày 21/8/2023 anh **B** có mua 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG màu cam và 01 máy hàn với một người thanh niên, không biết tên địa chỉ. Khi mua anh **B** không biết những tài sản trên là do trộm cắp mà có, sau khi mua anh **B** đã bán cho người khác, anh **B** không nhớ là đã bán cho ai và cũng không biết 01 máy cắt cầm tay nhãn hiệu FEG màu cam và 01 máy hàn hiện nay đang ở đâu. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh **B** là có căn cứ.

- Đối với người phụ nữ đã mua lõi đồng của cuộn dây điện vào ngày 22/8/2023 tại khu vực **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**. Do bị cáo **C** không biết tên, tuổi, địa chỉ, Cơ quan cảnh sát điều tra không xác minh làm rõ được, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

- Đối với anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, xã L. Anh Đ không biết việc Nguyễn Văn C giấu 01 máy hàn loại máy hàn điện tử xách tay nhãn hiệu RILAND màu xanh dương vào vườn nhà anh Đ. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Đ là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/10/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án (Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS và các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS ghi nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn C và bị hại Nông Văn H về việc tự nguyện bồi thường. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho bị hại Nông Văn H số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự và luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn bạc, đen, biển kiểm soát 97F8-8262, xe cũ đã qua sử dụng, số khung RLHHC1201AY160128, số máy HC12E2660176, rách một lỗ ở đầu yên xe, không có gương bên phải, kèm theo chìa khóa xe cho anh Hoàng Văn T2 và chị Bé Thị T1.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/11/2023 giữa Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Hoàng Văn T2**, chị **Bế Thị T1** và anh **Vũ Cao B** có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật/.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Bạch Thông (1);
- Viện KSND tỉnh Bắc Kạn (1);
- TAND tỉnh Bắc Kạn (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (1);
- Công an huyện Bạch Thông;
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Thi hành án DS huyện Bạch Thông (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thành

